



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	5 – 50
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500443916 ngày 04 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;
- Bán vật liệu, vật tư xây dựng: thép, gạch, bê tông...

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Khắc Sơn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Cử	Phó chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Ủy viên	
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Trang	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Ông Đào Văn Công	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Ứng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019
Ông Đặng Hoàng Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Kim Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Viết Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Trọng Diên	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 04 tháng 06 năm 2019
Ông Mai Văn Định	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019



TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kim Mạnh Hà

Số: 213/2019/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3406-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.848.311.154.083	2.837.365.741.464
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	82.329.943.754	391.686.704.604
1.	Tiền	111		75.329.943.754	64.686.704.604
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	327.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	62.141.088.500	67.541.088.500
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		41.088.500	41.088.500
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.100.000.000	67.500.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.806.576.882.649	1.717.514.214.965
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.287.388.064.884	1.154.236.125.332
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	132.530.296.274	148.961.369.676
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	79.947.371.100	137.718.385.746
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	401.022.049.206	369.553.760.619
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(94.310.898.815)	(92.955.426.408)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	852.053.396.015	626.126.797.497
1.	Hàng tồn kho	141		852.298.389.231	626.389.044.539
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(244.993.216)	(262.247.042)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		45.209.843.165	34.496.935.898
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	22.562.223.235	26.328.668.645
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.224.322.404	7.767.700.036
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	423.297.526	400.567.217
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.799.346.048.318	1.540.109.587.382
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		637.867.689.563	413.393.338.703
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	637.867.689.563	413.393.338.703
II.	Tài sản cố định	220		407.246.063.793	398.217.156.278
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	381.341.160.054	370.439.326.259
	- Nguyên giá	222		658.994.496.821	635.582.334.626
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(277.653.336.767)	(265.143.008.367)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	24.270.420.699	25.870.668.219
	- Nguyên giá	225		31.833.001.347	31.833.001.347
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(7.562.580.648)	(5.962.333.128)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.634.483.040	1.907.161.800
	- Nguyên giá	228		4.127.830.647	3.976.055.647
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.493.347.607)	(2.068.893.847)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.13	220.837.349.346	223.535.967.720
1.	Nguyên giá	231		241.131.381.225	241.131.381.225
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20.294.031.879)	(17.595.413.505)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	88.185.640.778	59.117.436.525
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		88.185.640.778	59.117.436.525
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	423.484.757.075	424.367.974.210
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		257.212.607.075	258.095.824.210
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		159.257.150.000	159.257.150.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.835.000.000)	(1.835.000.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.850.000.000	8.850.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.724.547.763	21.477.713.946
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	13.985.458.633	13.395.730.707
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	7.739.089.130	8.081.983.239
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.647.657.202.401	4.377.475.328.846

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.977.277.068.896	3.670.262.518.127
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.746.242.098.901	2.476.228.170.345
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	718.923.621.369	737.508.879.133
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	367.263.474.328	396.865.712.004
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	22.974.325.097	55.682.902.495
4.	Phải trả người lao động	314		41.949.517.296	66.477.754.863
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	106.738.303.669	156.250.343.187
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22	1.554.573.416	2.870.245.107
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	211.383.812.680	148.278.429.782
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.253.663.805.180	894.096.819.848
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	6.611.495.438	8.938.470.876
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.179.170.428	9.258.613.050
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.231.034.969.995	1.194.034.347.782
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.20	53.095.256.465	54.370.267.331
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.21	11.133.450.635	9.901.766.572
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	1.165.440.940.661	1.128.025.244.435
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.365.322.234	1.737.069.444
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		670.380.133.505	707.212.810.719
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.24	670.380.133.505	707.212.810.719
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		577.411.140.000	549.919.800.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		577.411.140.000	549.919.800.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.845.085)	(30.845.085)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		12.684.689.158	12.629.672.872
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.204.697.739	117.986.262.038
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		9.249.063.497	22.198.318.297
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		2.955.634.242	95.787.943.741
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		68.110.451.693	26.707.920.894
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.647.657.202.401	4.377.475.328.846

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng



Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	922.861.916.565	821.091.527.882
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	241.058.860
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		922.861.916.565	820.850.469.022
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	798.646.519.461	690.870.166.056
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.215.397.104	129.980.302.966
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	6.815.093.968	8.075.698.522
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	58.402.179.718	54.469.723.367
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.169.025.964	53.739.399.088
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(883.217.135)	(704.747.583)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.387.743.229	6.583.953.657
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	56.208.021.163	50.222.402.242
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.149.329.827	26.075.174.639
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	4.192.286.670	4.354.192.216
13.	Chi phí khác	32	VI.07	1.967.693.343	6.580.654.494
14.	Lợi nhuận khác	40		2.224.593.327	(2.226.462.278)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.373.923.154	23.848.712.361
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	11.703.336.354	9.463.004.678
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(47.078.907)	397.007.083
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.717.665.707	13.988.700.600
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.955.634.242	13.100.176.755
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(237.968.535)	888.523.845
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	54	280
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	54	280

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		14.373.923.154	23.848.712.361
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		25.761.301.236	21.751.570.786
-	Các khoản dự phòng	03		(105.539.722)	(971.826.086)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		28.661.152	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.013.875.172)	(10.874.198.679)
-	Chi phí lãi vay	06		59.635.480.657	53.739.399.088
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		91.679.951.305	87.493.657.470
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(352.967.009.471)	190.234.156.740
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(231.149.727.561)	(106.963.236.119)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(133.156.991.731)	(85.167.739.361)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.626.097.814	404.626.747
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(76.465.397.205)	(51.528.272.106)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.547.763.438)	(18.796.142.313)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	203.238.867
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.881.905.818)	(16.009.529.153)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(734.862.746.105)	(129.239.228)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(75.901.474.860)	(45.285.262.370)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		201.818.182	2.834.101.459
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000.000)	(730.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.471.014.646	1.587.002.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(90.000.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.947.368.421	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.299.902.928	1.974.350.220
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		13.718.629.317	(129.619.808.691)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		22.152.631.579	104.203.948.947
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.055.122.606.149	776.208.536.120
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(658.139.924.591)	(804.068.773.838)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.724.981.826)	(1.724.981.826)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.622.975.373)	(31.605.450.485)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		411.787.355.938	43.013.278.918
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(309.356.760.850)	(86.735.769.001)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		391.686.704.604	302.815.821.469
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		82.329.943.754	216.080.052.468

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Ngọc Diệp



Mai Văn Định



Kim Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa, trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;
- Bán vật liệu, vật tư xây dựng: thép, gạch, bê tông...

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số Công ty con: 08 Công ty.
- Danh sách Công ty con được hợp nhất bao gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2019</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại ngày 30/6/2019</i>
Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Tầng 4, tòa nhà CT2, Ngõ Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	83,53%	83,53%
Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế Xuân Mai	Tầng 6, nhà 29T2 lô N05 - khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	86,54%	86,54%
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	77,78%	77,78%
Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Tầng 3, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	97,00%	97,00%
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	85,65%	85,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Tầng 5, tòa nhà CT2, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	98,89%	98,89%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Trung tâm thương mại Big C – Đại Lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	51,00%	51,00%

- Danh sách các công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ gồm:

<i>Tên Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2019</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại ngày 30/6/2019</i>
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Thôn Đại La, xã Hoà Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	49,00 %	49,00 %
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	Áp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	49,00 %	49,00 %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	Số 77/2, KP3, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	32,10 %	32,10 %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai – Sài Gòn	Số 10B Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Số 64, đường Trung Vãn, phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	49,00%	49,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	20 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Phần mềm quản lý nhân sự	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Cơ sở hạ tầng	10 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

09. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

b) Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

- Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

- Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ chung cư.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là khoản hàng bán bị trả lại.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Trường hợp tài sản cố định được bán có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện bị loại trừ khỏi giá trị TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ được hoàn nhập dần hàng kỳ khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của tập đoàn.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	21.252.925.613	21.164.681.650
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.077.018.141	43.522.022.954
- Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	327.000.000.000
Cộng	82.329.943.754	391.686.704.604

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây, lãi suất từ 4,5% - 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	41.088.500	41.088.500	-	41.088.500	41.088.500	-
Cộng	41.088.500	41.088.500	-	41.088.500	41.088.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a.1. Ngắn hạn				
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	62.100.000.000	62.100.000.000	67.500.000.000	67.500.000.000
a.2. Dài hạn				
+ Trái phiếu (**)	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000
Cộng	70.950.000.000	70.950.000.000	76.350.000.000	76.350.000.000

(*) : Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, lãi suất từ 4,5% đến 7,3%.

(**): Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018, đáo hạn từ 07 năm đến 10 năm kể từ ngày phát hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chứng nhận, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng tham chiếu tại Ngày xác định lãi suất + 1%/năm, tổng số lượng trái phiếu là : 885 trái phiếu.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị hợp lý
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	32,10	32,10	29.970.755.000	29.970.755.000	(*)	32,10	32,10	29.970.755.000	29.970.755.000	(*)
+ Công ty CP Bê Tông Xuân Mai Miền Nam	49,00	49,00	40.430.398.927	-	(*)	49,00	49,00	40.430.398.927	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	49,00	49,00	24.500.000.000	-	(*)	49,00	49,00	24.500.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	20,00	20,00	180.000.000.000	177.741.852.075	(*)	20,00	20,00	180.000.000.000	178.625.069.210	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	49,00	49,00	49.500.000.000	49.500.000.000	(*)	49,00	49,00	49.500.000.000	49.500.000.000	(*)
Cộng			324.401.153.927	257.212.607.075				324.401.153.927	258.095.824.210	

(*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ

d. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	6,12	6,12	1.835.000.000	(1.835.000.000)	(*)	6,12	6,12	1.835.000.000	(1.835.000.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện miền Bắc 2 (a)	0,13	0,13	722.150.000	-	1.194.325.000	0,13	0,13	722.150.000	-	1.133.220.000
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6,74	6,74	156.700.000.000	-	(*)	6,74	6,74	156.700.000.000	-	(*)
Cộng			159.257.150.000	(1.835.000.000)				159.257.150.000	(1.835.000.000)	

(*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a): Lấy theo giá đóng cửa của ngày 28 tháng 6 năm 2019 trên sàn giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:**

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	Công ty liên kết	348.872.588.005	98.384.745.373
Trích lập dự phòng			
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	Công ty liên kết	883.217.135	704.747.583

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.287.388.064.884	1.154.236.125.332
- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại VT	113.263.450.688	109.876.683.483
- Công ty TNHH Bất động sản và Xây dựng Việt Hưng	147.433.476.855	148.240.347.866
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	425.365.973.549	376.790.887.793
- Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	108.449.986.624	112.587.560.852
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	492.875.177.168	406.740.645.338
Cộng	1.287.388.064.884	1.154.236.125.332

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng là công ty liên kết	462.501.215.667	413.926.129.911
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	10.536.504.681	10.536.504.681
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	20.873.729.142	20.873.729.142
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	425.365.973.549	376.790.887.793
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Sơn An	5.725.008.295	5.725.008.295
Cộng	462.501.215.667	413.926.129.911

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132.530.296.274	148.961.369.676
- Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại VT	34.400.000.000	34.400.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	-	3.308.673.935
- Công ty TNHH Bất động sản và Xây dựng Việt Hưng	-	50.000.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	98.130.296.274	61.252.695.741
Cộng	132.530.296.274	148.961.369.676

b. Trả trước người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	3.308.673.935
- Công ty Cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	-	3.308.673.935
Cộng	-	3.308.673.935

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	79.947.371.100	(15.200.000.000)	137.718.385.746	(15.200.000.000)
+ Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại VT	63.000.000.000	-	113.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	3.300.000.000	(3.300.000.000)	3.300.000.000	(3.300.000.000)
+ Công ty Cổ phần Bao bì và Hàng xuất khẩu	-	-	8.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	2.147.371.100	(400.000.000)	1.918.385.746	(400.000.000)
Cộng	79.947.371.100	(15.200.000.000)	137.718.385.746	(15.200.000.000)

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	401.022.049.206	(3.435.467.897)	369.553.760.619	(3.435.467.897)
- Tạm ứng	101.671.075.026	(1.641.974.992)	70.519.527.397	(1.641.974.992)
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.530.841.348	-	2.641.130.218	-
- Phải thu khác	297.820.132.832	(1.793.492.905)	296.393.103.004	(1.793.492.905)
+ Dự án khu đất Tân Phú, quận 9 ^(a)	18.634.000.000	-	18.634.000.000	-
+ Dự án Biệt thự nhà vườn khu Nhà Bè (Bà Trần Hoa Mai) ^(a)	8.750.000.000	-	8.750.000.000	-
+ Dự án khu đất xã Vĩnh Lộc B, quận Bình Chánh (Ông Trần Văn Bắc) ^(a)	13.225.408.000	-	13.225.408.000	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	985.246.528	(985.246.528)	985.246.528	(985.246.528)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng xuất khẩu	8.465.222.420	-	8.465.222.420	-
+ Công ty Cổ phần Bê tông Phan Vũ Hải Dương	10.385.297.030	-	10.385.297.030	-
+ Công ty TNHH TM - tư vấn & XD Việt Hưng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng xuất khẩu	220.170.620.834	-	218.800.000.000	-
+ Phải thu khác	7.204.338.020	(808.246.377)	7.147.929.026	(808.246.377)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	637.867.689.563	-	413.393.338.703	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	56.549.932.493	-	56.549.932.493	-
- Phải thu khác	581.317.757.070	-	356.843.406.210	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	6.950.012.623	-	6.950.012.623	-
+ Công ty CP Sông Đà 1.01 (góp vốn đầu tư xây dựng dự án nhà ở Hemisco)	8.991.930.232	-	8.991.930.232	-
+ Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn và Xây dựng Việt Hưng	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
+ Tổng Công ty phát thanh truyền hình thông tin EMICO ^(b)	68.724.418.692	-	68.724.418.692	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng xuất khẩu ^(c)	490.651.395.523	-	266.177.044.663	-
Cộng	1.025.677.597.457	(3.435.467.897)	782.947.099.322	(3.435.467.897)

- (a) Là khoản đã trả tiền cho người bán để mua đất nhưng chưa hoàn thành xong các thủ tục pháp lý. Kiểm toán Nhà nước năm 2011 đã đề nghị điều chỉnh khoản trả trước này sang khoản phải thu khác.
- (b) Là khoản hợp tác kinh doanh thực hiện dự án văn phòng làm việc, trung tâm thương mại kết hợp nhà ở để bán tại Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- (c) Là khoản hợp tác kinh doanh thực hiện dự án khu văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê tại Km9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2014/HĐHTĐT/PROMEXCO-XMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	21.536.504.681	1.419.943.498	21.536.504.681	1.419.943.498
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	20.873.729.142	-	20.873.729.142	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	4.285.246.528	-	4.285.246.528	-
- Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	16.919.304.321	-	16.919.304.321	-
- Các đối tượng khác	33.365.990.248	1.249.932.608	32.010.517.841	1.249.932.607
Cộng	96.980.774.920	2.669.876.105	95.625.302.513	2.669.876.105

08. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	310.349.274	-
- Nguyên liệu, vật liệu	90.790.037.033	(239.851.203)	65.958.120.706	(239.851.203)
- Công cụ, dụng cụ	9.375.337.659	-	2.645.497.869	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	735.895.310.779	-	539.507.619.985	-
- Thành phẩm	14.649.656.937	(5.142.013)	15.976.583.834	(22.395.839)
- Hàng hoá	1.588.046.823	-	1.990.872.871	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	852.298.389.231	(244.993.216)	626.389.044.539	(262.247.042)

Đơn vị tính: VND

09. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Mua sắm	138.288.000	138.288.000	138.288.000	138.288.000
- Xây dựng cơ bản	88.047.352.778	88.047.352.778	58.979.148.525	58.979.148.525
+ Khu chứa cầu kiện phục vụ các công trình Xây dựng công nghiệp, thể dục thể thao	59.115.755.667	59.115.755.667		
+ Đầu tư Acotec 3	-	-	43.136.119.351	43.136.119.351
+ Công viên cầu kiện	3.006.209.600	3.006.209.600	3.006.209.600	3.006.209.600
+ Sửa chữa mái nhà xưởng SXC	3.593.359.936	3.593.359.936	-	-
+ Công trình khác	4.571.790.631	4.571.790.631	1.198.549.294	1.198.549.294
+ Công trình Nhà văn phòng tại CT2 Tô Hiệu	17.760.236.944	17.760.236.944	11.638.270.280	11.638.270.280
Cộng	88.185.640.778	88.185.640.778	59.117.436.525	59.117.436.525

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>308.935.134.987</i>	<i>253.346.434.070</i>	<i>55.297.771.057</i>	<i>16.614.180.895</i>	<i>1.388.813.617</i>	<i>635.582.334.626</i>
- Mua trong kỳ	-	45.331.940.970	1.032.300.000	317.254.637	-	46.681.495.607
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(20.135.909.999)	-	(320.595.455)	(2.722.827.958)	(90.000.000)	(23.269.333.412)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>288.799.224.988</i>	<i>298.678.375.040</i>	<i>56.009.475.602</i>	<i>14.208.607.574</i>	<i>1.298.813.617</i>	<i>658.994.496.821</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>83.435.654.281</i>	<i>136.051.742.693</i>	<i>33.878.069.242</i>	<i>10.663.534.145</i>	<i>1.114.008.006</i>	<i>265.143.008.367</i>
- Khấu hao trong kỳ	5.504.554.018	12.245.600.844	2.343.111.231	907.988.070	36.727.419	21.037.981.582
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(5.434.530.498)	-	(294.008.440)	(2.722.827.958)	(76.286.286)	(8.527.653.182)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>83.505.677.801</i>	<i>148.297.343.537</i>	<i>35.927.172.033</i>	<i>8.848.694.257</i>	<i>1.074.449.139</i>	<i>277.653.336.767</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>225.499.480.706</i>	<i>117.294.691.377</i>	<i>21.419.701.815</i>	<i>5.950.646.750</i>	<i>274.805.611</i>	<i>370.439.326.259</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>205.293.547.187</i>	<i>150.381.031.503</i>	<i>20.082.303.569</i>	<i>5.359.913.317</i>	<i>224.364.478</i>	<i>381.341.160.054</i>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 63.197.765.417 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>5.962.333.128</i>	<i>5.962.333.128</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.600.247.520	1.600.247.520
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>7.562.580.648</i>	<i>7.562.580.648</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>25.870.668.219</i>	<i>25.870.668.219</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>24.270.420.699</i>	<i>24.270.420.699</i>

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản trị nhân sự	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>730.800.000</i>	<i>3.245.255.647</i>	<i>3.976.055.647</i>
- Mua trong kỳ	-	151.775.000	151.775.000
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>730.800.000</i>	<i>3.397.030.647</i>	<i>4.127.830.647</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>118.881.046</i>	<i>1.950.012.801</i>	<i>2.068.893.847</i>
- Khấu hao trong kỳ	121.800.012	302.653.748	424.453.760
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>240.681.058</i>	<i>2.252.666.549</i>	<i>2.493.347.607</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>611.918.954</i>	<i>1.295.242.846</i>	<i>1.907.161.800</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>490.118.942</i>	<i>1.144.364.098</i>	<i>1.634.483.040</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	241.131.381.225	-	-	241.131.381.225
- Nhà và quyền sử dụng đất	239.297.366.018	-	-	239.297.366.018
- Cơ sở hạ tầng	1.834.015.207	-	-	1.834.015.207
II. Giá trị hao mòn lũy kế	17.595.413.505	2.698.618.374	-	20.294.031.879
- Nhà và quyền sử dụng đất	16.938.224.725	2.606.917.614	-	19.545.142.339
- Cơ sở hạ tầng	657.188.780	91.700.760	-	748.889.540
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	223.535.967.720	-	2.698.618.374	220.837.349.346
- Nhà và quyền sử dụng đất	222.359.141.293	-	2.606.917.614	219.752.223.679
- Cơ sở hạ tầng	1.176.826.427	-	91.700.760	1.085.125.667

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

14. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	22.562.223.235	26.328.668.645
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	21.635.265.446	24.488.090.352
- Chi phí trả trước về thuế TNDN tạm nộp	210.981.722	761.601.392
- Chi phí mua bảo hiểm	24.790.801	29.557.285
- Các khoản khác	691.185.266	1.049.419.616
c. Dài hạn	13.985.458.633	13.395.730.707
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	12.404.662.400	11.245.511.548
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	293.618.988	174.857.568
- Khuôn đúc tấm tường Acotec	1.247.686.824	1.669.882.518
- Các khoản khác	39.490.421	305.479.073
Cộng	36.547.681.868	39.724.399.352

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	8.081.983.239	8.722.714.621
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	342.894.109	640.731.382
Số cuối kỳ	7.739.089.130	8.081.983.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính : VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	894.096.819.848	894.096.819.848	1.017.706.909.923	658.139.924.591	1.253.663.805.180	1.253.663.805.180
- Vay ngắn hạn ngân hàng	847.990.368.300	847.990.368.300	989.574.077.902	638.923.178.352	1.198.641.267.850	1.198.641.267.850
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	646.160.256.887	646.160.256.887	833.520.494.433	441.017.145.354	1.038.663.605.966	1.038.663.605.966
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	10.933.758.312	10.933.758.312	40.139.699.158	30.933.758.312	20.139.699.158	20.139.699.158
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt-CN Vĩnh Phúc ^(c)	190.896.353.101	190.896.353.101	115.913.884.311	166.972.274.686	139.837.962.726	139.837.962.726
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	36.276.471.908	36.276.471.908	16.945.223.774	14.519.115.234	38.702.580.448	38.702.580.448
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(d)	31.246.024.360	31.246.024.360	14.580.000.000	12.457.154.360	33.368.870.000	33.368.870.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	446.083.896	446.083.896	223.041.948	186.979.048	482.146.796	482.146.796
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.584.363.652	4.584.363.652	2.142.181.826	1.874.981.826	4.851.563.652	4.851.563.652
- Vay đối tượng khác	9.829.979.640	9.829.979.640	11.187.608.247	4.697.631.005	16.319.956.882	16.319.956.882
+ Công ty TNHH Tiến đạt Xuân Mai	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Vay cá nhân	9.829.979.640	9.829.979.640	10.187.608.247	4.697.631.005	15.319.956.882	15.319.956.882
b. Vay dài hạn	1.128.025.244.435	1.128.025.244.435	54.360.920.000	16.945.223.774	1.165.440.940.661	1.165.440.940.661
Từ 1 năm đến 5 năm	117.675.353.478	117.675.353.478	54.360.920.000	15.220.241.948	156.816.031.530	156.816.031.530
b.1 Vay ngân hàng	117.675.353.478	117.675.353.478	54.360.920.000	15.220.241.948	156.816.031.530	156.816.031.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.326.030.006	1.326.030.006	-	223.041.948	1.102.988.058	1.102.988.058
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.974.000.000	1.974.000.000	-	417.200.000	1.556.800.000	1.556.800.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam ^(d)	114.375.323.472	114.375.323.472	54.360.920.000	14.580.000.000	154.156.243.472	154.156.243.472
Trên 5 năm	10.349.890.957	10.349.890.957	-	1.724.981.826	8.624.909.131	8.624.909.131
b.2 Nợ thuê tài chính	10.349.890.957	10.349.890.957	-	1.724.981.826	8.624.909.131	8.624.909.131
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	10.349.890.957	10.349.890.957	-	1.724.981.826	8.624.909.131	8.624.909.131
b.3 Trái phiếu thường^(g)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Loại phát hành theo mệnh giá	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	2.022.122.064.283	2.022.122.064.283	1.072.067.829.923	675.085.148.365	2.419.104.745.841	2.419.104.745.841

Thông tin bổ sung về các khoản vay:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 01/2018/178640/HĐTD ngày 24 tháng 9 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với hạn mức tối đa 800 tỷ đồng. Thời hạn vay đến ngày 31 tháng 8 năm 2019. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản sau:

- Tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông và nội thất gắn liền;
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng ;
- Và một số các tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/2018/178640/HĐTD ngày 24 tháng 9 năm 2018 với hạn mức tối đa 300 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản: Cần trục tháp QTZ 7030, cần trục tháp ZOOMLION TC 7030B, Cầu tháp QTZ 7030 ĐQSD số 4, cầu tháp POTAIN-F3/29B, cầu tháp JCC180U số 1 và cầu tháp JCC180U số 2 và một số các tài sản khác.

- (b) Là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM/020 ngày 06 tháng 06 năm 2018 với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE416800 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của công ty.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số HDTD105201935 ngày 27 tháng 03 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tối đa 500 tỷ đồng. Thời hạn vay là 01 năm. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung bao gồm toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai tại 06 Công ty con.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 02/2015/178640/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2015, số 02/2015/178640/HĐTD ngày 14 tháng 02 năm 2015 và số 01/2017/178640/HĐTD ngày 10 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức là 192.658.000.000 đồng để đầu tư máy móc thiết bị và mua cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay và toàn bộ 9.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội với hạn mức tín dụng 630 tỷ đồng để thực hiện đầu tư xây dựng Dự án 03 tòa nhà cao tầng A,B,C thuộc cụm chung cư HH2. Dự án khu đô thị mới Dương Nội. Thời hạn của hợp đồng tín dụng là 36 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, theo quy định tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các quyền phát sinh từ Dự án 03 tòa nhà cao tầng A,B,C thuộc cụm chung cư HH2 Dương Nội.
- (f) Khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hình thức thuê tài chính căn cứ theo hợp đồng số 39.16.01/CTTC ngày 31/5/2016. Thời hạn 72 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Ngân hàng giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(g) Chi tiết trái phiếu phát hành

Trái chủ	Số lượng	Số dư cuối kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tài sản đảm bảo
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	900	900.000.000.000	Năm 2021	10%	(*)
+ Công ty Cổ phần quản lý quỹ Việt Cát	100	100.000.000.000	Năm 2021	10%	(*)
Cộng	1.000	1.000.000.000.000			

(*) Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ các quyền và lợi ích có thể nhận được theo hoặc phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng số 133 ngày 05/8/2015 về việc chuyển quyền phát triển và kinh doanh cùng với cơ sở hạ tầng và một phần của hạng mục cọc khoan nhồi của 05 tòa nhà cao tầng F, G, H, K, L thuộc cụm chung cư HH2, Dự án khu đô thị mới Dương Nội.
- Toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến phần chuyển nhượng 05 tòa nhà F, G, H, K, L thuộc hợp đồng số 28.12.2015/HDKT ngày 28/12/2015 về việc chuyển nhượng một phần dự án gắn liền với quyền sử dụng đất của 08 tòa nhà cao tầng A, B, C, F, G, H, K, L thuộc cụm Chung cư HH2, Dự án Khu đô thị mới Dương Nội.

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	718.923.621.369	718.923.621.369	737.508.879.133	737.508.879.133
- Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	99.116.232.931	99.116.232.931	160.204.516.045	160.204.516.045
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	619.807.388.438	619.807.388.438	577.304.363.088	577.304.363.088
Cộng	718.923.621.369	718.923.621.369	737.508.879.133	737.508.879.133

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Sơn An	39.000.000	39.000.000	148.983.000	148.983.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	122.595.368	122.595.368	3.431.269.303	3.431.269.303
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	1.169.329.371	1.169.329.371	1.169.329.371	1.169.329.371
Cộng	1.330.924.739	1.330.924.739	4.749.581.674	4.749.581.674

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	367.263.474.328	367.263.474.328	396.865.712.004	396.865.712.004
- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng EMICO	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Hùng Thắng	15.651.358.459	15.651.358.459	104.064.181.737	104.064.181.737
- Công ty TNHH MTV công trình giao thông Hà Nội	7.465.509.385	7.465.509.385	7.465.509.385	7.465.509.385
- Công ty TNHH MTV ECO DREAM	1.795.038.484	1.795.038.484	1.632.054.015	1.632.054.015
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	135.753.263.786	135.753.263.786	141.743.671.593	141.743.671.593
- Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix	28.708.983.015	28.708.983.015	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	160.421.321.199	160.421.321.199	124.492.295.274	124.492.295.274
Cộng	367.263.474.328	367.263.474.328	396.865.712.004	396.865.712.004

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	16.721.771.423	18.782.632.264	23.263.886.895	-	12.240.516.792
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	500.845.008	500.845.008	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	372.442.219	372.442.219	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.308.719.953	11.134.490.878	26.547.763.438	-	9.895.447.393
- Thuế thu nhập cá nhân	-	882.642.850	5.025.164.798	5.333.069.331	94.767.518	669.505.835
- Thuế tài nguyên	-	2.434.320	9.935.320	11.482.560	-	887.080
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	400.567.217	12.431.057.000	732.975.716	13.091.995.507	328.530.008	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	336.276.949	280.982.595	283.205.911	-	1.297.956
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	504.765.250	670.850.886	-	166.670.041
Cộng	400.567.217	55.682.902.495	37.344.234.048	70.075.541.755	423.297.526	22.974.325.097

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	106.738.303.669	156.250.343.187
- Chi phí lãi vay	41.807.824.621	56.364.050.861
- Trích trước chi phí thi công công trình	62.514.787.957	98.072.826.641
- Trích trước chi phí khấu hao BĐSĐT vào giá vốn	-	1.621.261.476
- Các khoản trích trước khác	2.415.691.091	192.204.209
b. Dài hạn	53.095.256.465	54.370.267.331
- Trích trước chi phí khấu hao BĐSĐT vào giá vốn	53.095.256.465	54.370.267.331
Cộng	159.833.560.134	210.620.610.518

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	211.383.812.680	148.278.429.782
- Kinh phí công đoàn	1.755.067.812	1.450.396.067
- Bảo hiểm xã hội	2.902.318.048	1.640.978.409
- Bảo hiểm y tế	735.005.961	210.672.143
- Bảo hiểm thất nghiệp	321.151.649	98.064.544
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.350.000	10.350.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	97.080.004.149	31.511.351.125
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.579.915.061	113.356.617.494
+ <i>Phí bảo trì Chung cư</i>	3.639.943.990	52.885.849.338
+ <i>Vay cá nhân</i>	47.265.823.914	172.643.370
+ <i>TCT phát thanh truyền hình thông tin EMICO</i>	35.184.432.935	37.179.970.693
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	22.489.714.222	23.118.154.093
b. Dài hạn	11.133.450.635	9.901.766.572
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.133.450.635	9.901.766.572
Cộng	222.517.263.315	158.180.196.354

22. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	1.554.573.416	2.870.245.107
- Doanh thu nhận trước	1.554.573.416	115.821.720
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	2.754.423.387
Cộng	1.554.573.416	2.870.245.107

23. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	6.611.495.438	8.938.470.876
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	6.611.495.438	8.938.470.876
+ <i>Công trình Dương Nội</i>	707.563.585	707.563.585
+ <i>Công trình Eco Green</i>	2.849.144.570	4.949.144.570
+ <i>Công trình Paragon</i>	2.296.046.271	2.496.046.271
+ <i>Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình</i>	300.070.263	300.070.263
+ <i>Công trình khác</i>	458.670.749	485.646.187
Cộng	6.611.495.438	8.938.470.876

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

24. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	399.947.090.000	(30.845.085)	12.498.217.015	125.736.603.350	26.895.446.561	565.046.511.841
- Tăng vốn trong năm trước	149.972.710.000	-	-	-	-	149.972.710.000
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	95.787.943.741	2.512.261.669	98.300.205.410
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty mẹ	-	-	-	(97.690.864.928)	-	(97.690.864.928)
- Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty con	-	-	131.455.857	(5.847.420.125)	(2.699.787.336)	(8.415.751.604)
- Giảm khác (do giảm tỷ lệ sở hữu)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	549.919.800.000	(30.845.085)	12.629.672.872	117.986.262.038	26.707.920.894	707.212.810.719
Số dư đầu năm nay						
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.955.634.242	(237.968.535)	2.717.665.707
- Tăng khác	-	-	-	-	44.100.000.000	44.100.000.000
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty mẹ (*)	27.491.340.000	-	-	(105.097.293.940)	-	(77.605.953.940)
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty con	-	-	55.016.286	(3.639.904.601)	(2.459.500.666)	(6.044.388.981)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	577.411.140.000	(30.845.085)	12.684.689.158	12.204.697.739	68.110.451.693	670.380.133.505

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Phân phối lợi nhuận năm 2018
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.825.459.172
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	27.491.340.000
Cổ tức phải trả	66.990.220.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3.790.274.768
Cộng	105.097.293.940

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
- Công ty TNHH Khải Hưng	142.452.360.000	24,67	135.668.930.000	24,67
- Bà Đinh Thị Thanh Hà	145.526.240.000	25,20	138.596.420.000	25,20
- Các cổ đông khác	289.432.540.000	50,13	275.654.450.000	50,13
Cộng	577.411.140.000	100	549.919.800.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	549.919.800.000	399.947.090.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	27.491.340.000	99.982.370.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	577.411.140.000	499.929.460.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	94.481.560.000	-

e. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.741.114	54.991.980
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.741.114	54.991.980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.741.114	54.991.980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.739.354	54.990.220
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.739.354	54.990.220
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	96,49	118,46
- EUR	74,48	91,46

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Doanh thu bán hàng	6.508.296.852	4.624.812.297
- Doanh thu bán thành phẩm	183.429.213.536	89.157.914.710
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.737.695.993	11.603.884.178
- Doanh thu kinh Doanh bất động sản	102.064.702.844	444.814.092.328
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và sản xuất công nghiệp	603.122.007.340	270.890.824.369
Cộng	<u>922.861.916.565</u>	<u>821.091.527.882</u>

Ngoài các doanh thu đã thuyết minh tại mục V.02, không còn doanh thu nào khác với các bên liên quan.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Hàng bán bị trả lại	-	241.058.860
Cộng	<u>-</u>	<u>241.058.860</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.190.180.428	4.140.547.453
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	152.859.099.169	72.414.766.723
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.909.378.709	503.307.944
- Chi phí hoạt động kinh doanh Bất động sản	74.861.012.703	391.729.908.625
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng và sản xuất công nghiệp	547.826.848.452	222.081.635.311
Cộng	<u>798.646.519.461</u>	<u>690.870.166.056</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.107.874.085	6.721.455.185
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	173.746.107
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	707.219.883	1.080.551.226
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	99.946.004
Cộng	<u>6.815.093.968</u>	<u>8.075.698.522</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
- Lãi tiền vay	58.169.025.964	53.739.399.088
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.661.152	12.952.537
- Chi phí tài chính khác	204.492.602	717.371.742
Cộng	<u>58.402.179.718</u>	<u>54.469.723.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	164.322.076	1.179.075.137
- Phạt chậm tiến độ	-	153.539.459
- Hoàn nhập dự phòng	2.326.975.438	2.261.643.656
- Tiền phạt thu được	406.214.888	130.500.000
- Các khoản khác	1.294.774.268	629.433.964
Cộng	4.192.286.670	4.354.192.216

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phạt vi phạm hành chính, truy thu các khoản thuế phải nộp và lãi chậm nộp các năm trước	1.119.064.234	5.218.225.266
- Chi phí bồi thường	75.224.943	115.482.885
- Các khoản khác	773.404.166	1.246.946.343
Cộng	1.967.693.343	6.580.654.494

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	56.208.021.163	50.222.402.242
- Chi phí nhân viên quản lý	36.284.990.450	32.058.718.942
- Chi phí vật liệu quản lý	942.113.865	971.185.815
- Chi phí đồ dùng văn phòng	826.982.917	724.949.097
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.402.414.737	4.794.936.613
- Thuế, phí và lệ phí	108.023.713	190.303.236
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.020.821.458	4.916.242.828
- Chi phí dự phòng	1.355.472.407	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.267.201.616	6.566.065.711
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.387.743.229	6.583.953.657
- Chi phí nhân viên	990.716.254	1.488.380.195
- Chi phí vật liệu, bao bì	8.890.689	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.612.377	17.788.040
- Chi phí khấu hao TSCĐ	141.215.334	141.215.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.926.939.507	2.832.064.626
- Chi phí khác	317.369.068	2.104.505.462
Cộng	59.595.764.392	56.806.355.899

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11.703.336.354	9.102.042.906
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	360.961.772
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.703.336.354	9.463.004.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAITầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(371.747.210)	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	324.668.303	397.007.083
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(47.078.907)	397.007.083

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.955.634.242	13.100.176.755
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.955.634.242	13.100.176.755
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	54.990.220	46.782.189
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54	280

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	2.955.634.242	13.100.176.755
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.955.634.242	13.100.176.755
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	54.990.220	46.782.189
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	54	280

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.635.406.222	279.814.784.717
- Chi phí nhân công	198.893.109.106	195.004.467.596
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.761.301.236	21.722.077.091
- Chi phí lãi vay vốn hóa	23.611.132.074	39.070.081.122
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.355.472.407	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.901.999.515	235.194.839.021
- Chi phí khác bằng tiền	40.151.463.735	31.383.147.736
Cộng	1.071.309.884.295	802.189.397.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 27.491.340.000 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày 10 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 549.919.800.000 đồng lên 577.411.140.000 đồng từ nguồn trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 08/2019/NQ/XMC-ĐHĐCĐTN và Thông báo chốt quyền nhận cổ tức số 232/2019/TB/XMC ngày 09 tháng 5 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền bỏ phiếu và chi trả cổ tức năm 2018 là ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Tiền lương và phụ cấp	3.908.953.774	4.535.650.607
Cộng	3.908.953.774	4.535.650.607

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Công ty liên kết

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục V.02 không còn nghiệp vụ nào khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04 và V.16, V.17 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay	11.500.000.000	11.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.351.389	6.351.389
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	6.351.389	6.351.389
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.245.076	40.245.076
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	40.245.076	40.245.076

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp gồm: xây dựng và sản xuất bê tông;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm: Chuyển nhượng bất động sản và cho thuê bất động sản dài hạn ghi nhận doanh thu 01 lần;
- Lĩnh vực hợp tác kinh doanh: là hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án bất động sản để bán;
- Lĩnh vực khác: Bao gồm bán hàng hóa, vật tư, cho thuê bất động sản, cho thuê máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Bất động sản	Sản xuất công nghiệp và thi công xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	102.064.702.844	786.551.220.876	34.245.992.845	922.861.916.565
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	90.170.447.962	793.442.468.253	27.099.670.523	910.712.586.738
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	11.894.254.882	(6.891.247.377)	7.146.322.322	12.149.329.827
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	74.869.174.860	-	74.869.174.860
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.116.582.750	26.163.092.822	-	27.279.675.572
Số dư tại ngày 30/6/2019				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	647.611.720.365	3.288.893.155.127	143.196.537.580	4.079.701.413.072
- Tài sản không phân bổ				567.955.789.329
Tổng tài sản	647.611.720.365	3.288.893.155.127	143.196.537.580	4.647.657.202.401
- Nợ phải trả bộ phận	485.414.746.425	3.331.626.048.585	145.057.103.458	3.962.097.898.468
- Nợ phải trả không phân bổ				15.179.170.428
Tổng nợ phải trả	485.414.746.425	3.331.626.048.585	145.057.103.458	3.977.277.068.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Sản xuất công nghiệp, thi công xây lắp và thương mại dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	444.814.092.328	376.036.376.694	820.850.469.022
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	439.487.658.129	355.287.636.254	794.775.294.383
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	5.326.434.199	20.748.740.440	26.075.174.639
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	24.477.778.949	20.692.993.915	45.170.772.864
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.581.456.464	8.945.338.328	19.526.794.792
Số dư cuối tại ngày 30/6/2018			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.914.375.220.775	1.453.098.357.190	3.367.473.577.965
- Tài sản không phân bổ			582.809.298.385
Tổng tài sản	1.914.375.220.775	1.453.098.357.190	3.950.282.876.350
- Nợ phải trả bộ phận	1.843.974.503.379	1.428.855.025.644	3.272.829.529.023
- Nợ phải trả không phân bổ			12.339.276.470
Tổng nợ phải trả	1.843.974.503.379	1.428.855.025.644	3.285.168.805.493

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết và các đối tượng khác vay tiền. Các khoản cho vay có khả năng suy giảm đã được Công ty trích dự phòng đầy đủ, đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các khoản còn lại đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	718.923.621.369	-	-	718.923.621.369
Vay và nợ	1.253.663.805.180	1.165.440.940.661	-	2.419.104.745.841
Chi phí phải trả	106.738.303.669	-	-	106.738.303.669
Các khoản phải trả khác	108.579.915.061	11.133.450.635	-	119.713.365.696
Cộng	2.187.905.645.279	1.176.574.391.296	-	3.364.480.036.575
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	737.508.879.133	-	-	737.508.879.133
Vay và nợ	894.096.819.848	1.117.675.353.478	10.349.890.957	2.022.122.064.283
Chi phí phải trả	154.629.081.711	-	-	154.629.081.711
Các khoản phải trả khác	113.356.617.494	9.901.766.572	-	123.258.384.066
Cộng	1.899.591.398.186	1.127.577.120.050	10.349.890.957	3.037.518.409.193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Mạnh Hà

